TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/10/2019.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Ông Thông Phi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Lê Thị Hồng H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 80/9 Tổ 3, xã X3, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn - chị Hoàng Lê Thị Hồng H trình bày:

Chị H và anh N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, theo giấy chứng nhận số 40 ngày 04/5/2016. Hiện nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N vì hôn nhân không mang lại H phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân do trong thời gian chung sống giữa chị và anh N nảy sinh nhiều bất

đồng trong cuộc sống. Hiện nay chị và anh N đã sống ly thân. Ngoài ra, chị H giao con chung tên Lê Ph, sinh ngày 12/5/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình xét xử bị đơn - anh Lê N có ý kiến.

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh N và chị H đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2016 theo như chị H trình bày là đúng. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh N đồng ý, vì trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra xích mích về cách ứng xử, thái độ quan tâm tới gia đình, không cùng chung quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn cải vả. Sống với nhau không H phúc nên khoảng tháng 3/2019 anh N và chị H sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh N nhận thấy cuộc sống chung với chị H không thể tiếp tục vì hai bên đã mất niềm tin; Tuy nhiên anh N không đồng ý ký thủ tục thuận tình ly hôn vì bản thân theo đạo Công giáo, nhưng anh xác định không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục chung sống với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H. Quá trình chung sống anh N và chị H có với nhau một người con tên Lê Ph, sinh ngày 12/5/2017 hiện đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N yêu cầu tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh N không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N; giao con chung tên Lê Ph, sinh ngày 12/5/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm và chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Lê Thị Hồng H và bị đơn anh Lê N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Hoàng Lê Thị Hồng H và anh Lê N là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng về thái độ, cách cư xử trong gia đình, bản thân chị H và anh N đều xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với nhau và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Riêng anh N không đồng ý ký thủ tục thuận tình ly hôn vì lý do cá nhân. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc, hòa thuận phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân chị H và anh N đều không còn tình cảm, không mong muốn được đoàn tụ chung sống với nhau, nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có một người con chung tên là Lê Ph, sinh ngày 12/5/2017. Khi ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi. Hiện tại cháu Ph đang sống với anh N, có nơi ở ổn định, anh N có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con, nên xét thấy cần giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Lê N.

2. Về con chung: Anh Lê N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Lê Ph, sinh ngày 12/5/2017 cho đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Trường hợp các

đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Hoàng Lê Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0026965, ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí